

ĐẶC ĐIỂM TỪ LÁY TRONG TẬP TRUYỆN NGẮN “NGƯỜI Ở BẾN SÔNG CHÂU” CỦA SƯƠNG NGUYỆT MINH

Đoàn Tiến Dũng¹

Ngày nhận bài: 23/6/2023; Ngày phản biện thông qua: 25/8/2023; Ngày duyệt đăng: 26/8/2023

TÓM TẮT

Từ láy là một phương thức cấu tạo từ quan trọng, giúp sản sinh ra khối lượng từ khá lớn bổ sung vào kho từ vựng tiếng Việt. Từ láy có thể được coi là mảng từ vựng thể hiện rõ nhất đóng góp của hình thức ngữ âm tiếng Việt trong việc biểu lộ tư tưởng tình cảm của nhà văn khi sử dụng ngôn ngữ. Tác dụng của từ láy là mô tả, nhấn mạnh cảm xúc, tâm trạng của con người. Đối với các sự vật, hiện tượng, từ láy nhằm thể hiện được vẻ đẹp, các trạng thái, cảm xúc, sự thay đổi về vị trí vận động của sự vật hiện tượng. Trong bài báo này, vận dụng lí thuyết về từ láy, chúng tôi tập trung nghiên cứu đặc điểm từ láy trong tập truyện ngắn “Người ở bến sông Châu” của Sương Nguyệt Minh một cách toàn diện và hệ thống; làm rõ đặc điểm từ láy trong văn xuôi của ông và những đóng góp về ngôn ngữ nghệ thuật của Sương Nguyệt Minh đối với nền văn xuôi Việt Nam đương đại, góp phần đổi mới chất lượng dạy học Ngữ văn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Từ khóa: Từ láy, truyện ngắn, Người ở bến sông Châu, Sương Nguyệt Minh.

1. MỞ ĐẦU

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp trọng yếu nhất của con người, ngoài ra ngôn ngữ còn là một hiện tượng xã hội, một hệ thống tín hiệu đặc biệt. Ngôn ngữ bao gồm những yếu tố và các mối quan hệ giữa các yếu tố đó. Các yếu tố trong hệ thống ngôn ngữ chính là các đơn vị của ngôn ngữ, đó là: âm vị, hình vị, từ, và câu. Từ láy là một trong năm phương thức cấu tạo từ. Từ láy có một vai trò rất quan trọng như vậy vì trong nó chứa đựng những giá trị sâu sắc. Trong chương trình Ngữ văn THPT, khi học sinh làm bài tập từ láy trong phần Đọc hiểu, các em sẽ được trang bị thêm kiến thức về tác dụng của loại từ này. Từ láy là một dạng từ được sử dụng phổ biến trong thể loại tự sự và trữ tình. Xuất phát từ sự biến đổi linh hoạt của bản thân nó. Từ láy còn có tác dụng tạo nên nhạc tính cho từ, tạo nên những từ gọi là “từ tượng thanh”, từ tượng hình”. Sương Nguyệt Minh được đánh giá là một trong những nhà văn quân đội tiêu biểu trong văn học đương đại hiện nay. Với sự đam mê và lao động nghệ thuật nghiêm túc, ông đã cho ra đời sáu tập truyện ngắn, và rất nhiều bài bút ký, tùy bút. Sương Nguyệt Minh đã nhận được rất nhiều giải thưởng như: Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn Văn nghệ Quân đội (1996) với tác phẩm *Bản kháng án bằng văn*; Giải thưởng truyện ngắn cuộc thi Cây bút vàng của Tạp chí Văn hóa - Văn nghệ Công an (1998 - 2001) với tác phẩm *Lửa cháy trong rừng hoang*; Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn cuộc thi Nhà xuất bản Giáo dục (2004) với tác phẩm *Những bước đi vào đời*; Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn của Nhà xuất bản Thanh niên (2004) với tập

truyện ngắn *Đi qua đồng chiều*; Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn báo Văn nghệ (2003 - 2004) với tác phẩm *Mười ba bến nước*. Hai lần Giải thưởng sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng về đề tài *Chiến tranh và người lính* với tập bút ký *Trong cơn đại hồng thủy* và tập truyện ngắn *Mười ba bến nước*. Với quan niệm “xét đến cùng, văn chương là thân phận con người”, tập truyện ngắn *Người ở bến sông Châu* gồm những sáng tác mới nhất của nhà văn Sương Nguyệt Minh đã thể hiện được những góc nhìn con người với những thân phận đầy ám ảnh, giúp con người sống nhân ái, yêu thương và bao dung hơn. Đặc biệt, trong tập truyện này, tác phẩm *Người ở bến sông Châu* đã được chuyển thể thành phim truyện nhựa *Người trở về* dự Liên hoan phim toàn quốc lần thứ 19.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Bài báo nghiên cứu về đặc điểm từ láy trong tập truyện ngắn *Người ở bến sông Châu* của Sương Nguyệt Minh một cách toàn diện và hệ thống. Trong đó, mục tiêu chính chú ý thống kê tần số xuất hiện và phân loại hệ thống từ láy được Sương Nguyệt Minh sử dụng. Từ đó thấy được giá trị của từ láy đối với những sáng tạo nghệ thuật của nhà văn trong tập truyện ngắn “Người ở bến Sông Châu”.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm từ láy trong tập truyện ngắn *Người ở bến sông Châu* của Sương Nguyệt Minh.

2.3. Nội dung nghiên cứu

¹Trường THPT Thực hành Cao Nguyên, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Đoàn Tiến Dũng, ĐT: 0979265394, Email: dtdung@ttn.edu.vn.

Bài báo xác định nội dung nghiên cứu cơ bản như sau:

- Sơ lược lý thuyết về từ láy: đặc điểm cấu tạo, đặc điểm ngữ nghĩa;

- Những nét chính về nhà văn Suong Nguyệt Minh;

- Đặc điểm từ láy trong tập truyện ngắn *Người ở bên sông Châu* của Suong Nguyệt Minh: đặc điểm cấu tạo, đặc điểm ngữ nghĩa, tần số xuất hiện, giá trị biểu đạt từ láy trong tập truyện ngắn *Người ở bên sông Châu* của Suong Nguyệt Minh.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phối hợp những phương pháp nghiên cứu sau:

- *Phương pháp liên ngành*: Bài báo sử dụng phương pháp liên ngành, cụ thể là văn học và ngôn ngữ để phù hợp với đối tượng nghiên cứu.

- *Phương pháp nghiên cứu hệ thống*: Khảo sát từ láy xuất hiện trong 13 truyện ngắn trong tập truyện ngắn *Người ở bên sông Châu* của Suong Nguyệt Minh để thống kê phân loại các loại láy, và trình bày theo một bố cục có hệ thống.

- *Phương pháp so sánh*: Bài báo sử dụng so sánh đồng đại và lịch đại để thấy được sự kế thừa truyền thống, những đóng góp mới của Suong Nguyệt Minh ở phương diện ngôn ngữ.

- *Phương pháp thống kê phân loại*: Trên cơ sở các tài liệu, tác phẩm, chúng tôi tiến hành khảo sát, thống kê, phân loại các dạng thức từ láy. Việc khảo sát, thống kê, phân loại các đối tượng nghiên cứu giúp sự phân tích, đánh giá có căn cứ xác thực.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: Phương pháp phân tích, tổng hợp được chúng tôi sử dụng nhằm phân tích từ láy có trong 13 truyện ngắn trong tập truyện *Người ở bên sông Châu* của Suong Nguyệt Minh. Sau đó, tổng hợp khái quát chỉ ra những đặc điểm riêng biệt trong ngôn ngữ nghệ thuật nhà văn.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Vài nét về từ láy

3.1.1. Khái niệm từ láy

Từ láy: “Hiện tượng lặp lại về mặt ngữ âm. Phần được lấy làm cơ sở cho sự lặp gọi là phần gốc (còn được gọi là phần cơ sở), phần lặp lại nó gọi là phần láy” (Diệp Quang Ban, 1996, tr.19). Láy là một phương thức tạo từ đặc sắc của tiếng Việt, từ một hình vị gốc, chúng ta có thể tạo ra nhiều từ có sắc thái ý nghĩa khác nhau. Đây là một phương thức tạo từ đóng vai trò lớn trong tiếng Việt, góp phần làm phong phú thêm vốn từ vựng của tiếng Việt.

Trong các cấu trúc láy, chúng ta cũng có mô hình [A|B]. Nhưng khi yếu tố thực đứng ở vị trí nào trong khuôn này thì sẽ mang áp lực về ngữ pháp cho cấu trúc ý nghĩa của từ láy cụ thể. Khi yếu tố thực xuất hiện ở vị trí B, nghĩa của từ láy bị giảm bớt tính phạm trù (không cắt thực tế ra một cách rõ ràng, nghiêm ngặt), ví dụ: *mềm mềm, cứng cứng* v.v... Nhưng khi yếu tố thực đứng ở vị trí A thì cấu trúc nghĩa lại theo chiều hướng ngược lại: nghĩa phạm trù được khẳng định một cách rõ ràng và ngoài ra, cái nghĩa đó còn được gia thêm những nghĩa tình thái hoặc cảm xúc có nhân mạnh (nét nghĩa biểu thái của từ). Ví dụ: *đỏ đẫm, vuông vắn*,... Nghĩa phạm trù của “đỏ” cộng thêm ý nghĩa tán thưởng về màu sắc: *đỏ* một cách lành mạnh, kèm theo sự vuông vắn về hình thể... Tập hợp toàn bộ các từ láy theo hai khuôn này, chúng ta có một dãy thang độ từ 5 đến 7 thang bậc khác nhau cho một phẩm chất được định danh qua một cấu trúc từ láy. Đỗ Hữu Châu cho rằng: “*từ láy là những từ được cấu tạo theo phương thức láy, đó là phương thức lặp lại toàn bộ hay bộ phận hình thức âm tiết*” (Đỗ Hữu Châu, 2009, tr.40).

3.1.2. Đặc điểm cấu tạo

Về đặc điểm cấu tạo, giữa các tiếng trong từ láy có quan hệ với nhau về mặt ngữ âm, biểu hiện ở một trong các dạng sau: Giống nhau ở phần phụ âm đầu: *vắng vẻ, vui vẻ*,... giống nhau ở phần vần: *co ro, lác đác, lúng túng*,... giống nhau ở cả phần phụ âm đầu lẫn phần vần: *đỏ đỏ, hao hao*,... Mỗi quan hệ về mặt ngữ âm trong từ láy tạo nên sự hòa phối ngữ âm có tác dụng biểu trưng hóa, tức là tạo ra một thứ ý nghĩa biểu trưng. Ở những từ ghép có các thành tố còn rõ nghĩa và có hiện tượng lặp âm ngẫu nhiên như *tươi tốt, nam nữ, mặt mũi, hàm hồ*,... Và ngược lại, khi trong từ ghép đẳng lập có xuất hiện yếu tố mờ nghĩa, người ta dễ cảm thụ chúng như là từ láy. Đó là lí do giải thích tại sao những từ: *chùa chiền, hời hợt, đất đai, chim chóc, tuổi tác*... được nhiều người chấp nhận là từ láy. Từ đó dẫn đến đặc điểm thứ ba, trong từ láy phải có ít nhất một yếu tố không độc lập (mờ nghĩa/mất nghĩa). Như vậy, từ láy trong tiếng Việt có thể xảy ra hai trường hợp: Từ láy có một yếu tố độc lập (hay tiếng gốc) và một yếu tố không độc lập (hay tiếng láy); từ láy có cả hai yếu tố đều không độc lập (hay từ láy không có tiếng gốc). Xuất phát từ chính sự biến đổi linh hoạt đó, từ láy dần được sử dụng phổ biến. Chúng thường được dùng để nhấn mạnh, miêu tả vẻ đẹp của phong cách, hiện tượng, hình dáng của sự vật hay diễn đạt tâm trạng, cảm xúc, âm thanh, tình trạng,... của con người, của sự vật, sự việc, và hiện tượng trong cuộc sống, mang đến cho người viết cái nhìn đa chiều, sâu sắc

hơn cho chính vấn đề được nhắc đến trong câu. Từ láy có nhiều tác dụng hỗ trợ nhấn mạnh ý nghĩa cho câu. Thông thường người dùng sẽ chọn từ láy để đưa vào câu nói, văn viết để giúp câu văn tạo điểm nhấn cho sự vật, sự việc muốn nhắc đến và người nghe, người đọc một vẻ đẹp hài hòa, tinh tế về ngôn ngữ.

3.1.3. Đặc điểm ngữ nghĩa

Xét tác dụng của các tiếng tham gia cấu tạo nghĩa của từ láy, có thể chia từ láy nói chung thành 3 nhóm:

- *Từ láy phỏng thanh*: là từ láy trong đó không xác định được tiếng gốc, các tiếng được hình thành và được ghép lại dựa vào sự mô phỏng âm thanh của các sự vật, hiện tượng trong thực tế. Cụ thể, đây có thể là sự nhại lại âm thanh của đối tượng. Ví dụ: oa oa, gâu gâu, đùng đùng,...; hay dựa vào mô phỏng âm thanh để định danh cho đối tượng. Ví dụ: con bìm bịp, xe cút kít, chim tu hú,...

- *Từ láy sắc thái hóa*: là những từ mà trong đó có một yếu tố gốc và một hoặc hơn một yếu tố láy. Yếu tố gốc chi phối nghĩa của toàn bộ từ láy, yếu tố còn lại có tác dụng bổ sung một sắc thái nghĩa nào đó khiến cho từ láy khác với phần gốc khi nó đứng một mình và khác với từ láy khác có cùng yếu tố gốc. Ví dụ, so sánh bói rôi với rắc rôi, rôi ren, rôi rít; dễ dãi với dễ dàng; xanh xanh với xanh xao,... Xét về mặt phạm vi biểu vật của từ láy so với tiếng gốc, cần phân biệt hai trường hợp: Thứ nhất, là từ láy phi cá thể hóa – những từ mà ý nghĩa biểu thị phạm vi sự vật rộng hơn so với tiếng gốc; Thứ hai, là từ láy cụ thể hóa những từ mà ý nghĩa biểu thị phạm vi sự vật hẹp hơn so với tiếng gốc. Ví dụ cho trường hợp thứ nhất như: chim chóc, mùa màng, hội hè,... Ví dụ cho trường hợp thứ hai như: dễ dàng, dễ dãi, bói rôi, rắc rôi, rôi rít, xanh xanh, xanh xao,... (Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung, 1996, tr.64).

- *Từ láy âm cách điệu*: là từ láy không chứa bộ phận còn đủ rõ nghĩa từ vựng, hoặc vẫn có thể chứng minh nghĩa của một bộ phận nào đó nhưng nó không còn tác dụng làm cơ sở nghĩa của toàn từ nữa. Ví dụ: băng khuâng, linh tinh, thành linh,... Loại này hiện chiếm một số lượng khá lớn trong tiếng Việt, theo Diệp Quang Ban, đây là kiểu láy thuần khiết nhất, tiêu biểu cho toàn bộ từ láy – một kiểu cấu tạo từ láy sự hòa phối ngữ âm tạo ý nghĩa biểu trưng làm cơ sở. Về mô hình ngữ nghĩa của kiểu từ láy này vẫn là một vấn đề còn đang để ngỏ (Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung, 1996, tr.64).

3.2. Vài nét về nhà văn Sương Nguyệt Minh và từ láy trong tập truyện ngắn “Người ở bên sông Châu”

3.2.1. Vài nét về Sương Nguyệt Minh

Sương Nguyệt Minh là một trong số những gương mặt sáng giá của nền văn nghệ quân đội. Mặc dù, đến với văn chương khá muộn, đến nay ông đã cho ra đời các tác phẩm thuộc nhiều thể loại. Trong đó, thể loại để lại dấu ấn sâu sắc với người đọc là truyện ngắn. Với lòng đam mê, lao động nghệ thuật. Những thành công bước đầu của nhà văn Sương Nguyệt Minh chủ yếu ở thể loại truyện ngắn. Với vốn sống phong phú của một người lính đã từng đi nhiều, trải trở nhiều, cộng thêm một tấm lòng nhân hậu luôn hướng về cuộc đời và con người, các sáng tác của Sương Nguyệt Minh cho người đọc thấy được sự đa chiều trong cuộc sống. Đọc văn của Sương Nguyệt Minh, người đọc được bước vào một thế giới nghệ thuật riêng, phong phú, đa chiều với một phong cách văn chương giản dị nhưng luôn không ngừng tìm tòi, đổi mới. Có thể nói, truyện ngắn của Sương Nguyệt Minh vừa có cái trầm tĩnh, đôn hậu của một người lính cầm bút vừa có cái sắc sảo của một nhà văn tinh nhạy khi sống trong xã hội thời kinh tế thị trường đầy biến động. Vì thế nghiên cứu sự nghiệp sáng tác của nhà văn có thể thấy được phần nào sự phát triển của thể loại truyện ngắn Việt Nam từ lúc đất nước bắt đầu bước vào thời kỳ đổi mới (1986) tới nay kể cả mặt đề tài, cảm hứng lẫn bút pháp... Truyện ngắn của Sương Nguyệt Minh cũng đã trở thành một đối tượng được giới nghiên cứu văn học khám phá trong những năm gần đây. Văn bản truyện ngắn *Người ở bên sông Châu* được đưa vào giảng dạy trong SGK Ngữ văn 10 (Bộ Cánh diều). Đây là tác phẩm khá tiêu biểu cho phong cách sáng tạo của tác giả, có ý nghĩa đánh dấu sự đổi mới tư duy nghệ thuật của nhà văn.

3.2.2. Từ láy trong tập truyện ngắn “Người ở bên sông Châu” của Sương Nguyệt Minh

3.2.2.1. Tần số xuất hiện

Ngoài chức năng biểu hiện khái niệm, từ láy còn có chức năng biểu cảm. Mỗi từ láy chứa đựng trong mình một sự thể hiện rất tinh tế và sinh động về sự cảm thụ chủ quan về cách đánh giá và thái độ của người nói trước sự vật hiện tượng của đời sống xã hội. Từ láy có khả năng làm cho người đọc, người nghe cảm thụ và hình dung một cách cụ thể, tinh tế, sống động. Vì vậy, từ láy được sử dụng phổ biến trong sáng tác văn học, Sương Nguyệt Minh là nhà văn rất chú ý đến việc sáng tạo ngôn từ, đặc biệt là từ láy. Sau đây là bảng thống kê tần số xuất hiện.

Bảng 3.1. Thống kê số lượng, tần số từ láy xét về cấu tạo trong truyện ngắn Người ở bên sông Châu của Sương Nguyệt Minh

STT	Loại láy/Tên truyện	Tổng số trang	Láy hoàn toàn	Láy phụ âm đầu	Láy vần	Tổng số	Tần số
1	Người ở bên sông Châu	19	13	15	41	69	3,63
2	Nơi hoang dã đồng vọng	19	11	22	38	71	3,73
3	Trương Hạ	55	23	16	17	56	2,94
4	Tuổi thơ con ở đâu?	20	7	13	17	37	1,94
5	Bản kháng án bằng văn	12	11	14	17	42	3,5
6	Ngày xưa, nơi đây là cửa rừng	16	12	12	9	33	2,06
7	Nỗi đau dòng họ	16	14	21	16	51	3,18
8	Tiếng gọi nơi đầu suối	26	12	24	12	48	1,84
9	Sao băng lúc mờ tối	26	11	13	12	36	1,38
10	Mây bay cuối đường	24	16	25	7	47	1,95
11	Đêm làng Trọng Nhân	21	13	27	11	51	2,42
12	Trang trại lúc hoàng hôn	22	11	13	10	34	1,54
13	Tiếng lục lạc trong đêm	18	12	11	20	43	2,38
Tổng		294	166	216	227	618	32,49

Qua bảng số liệu thống kê, chúng tôi rút ra nhận xét: Truyện ngắn sử dụng nhiều từ láy với tần số cao: *Người ở bên sông Châu* (3,63 từ/trang). Truyện ngắn sử dụng ít từ láy nhất: *Tuổi thơ con ở đâu?* (1,94 từ/trang). Xét về cấu tạo các kiểu láy xuất hiện, láy tư xuất hiện ít, chỉ có 1 từ láy tư xuất hiện: “*dưới sông te lười nổi lập lờ lập lờ*” (Sương Nguyệt Minh, 2001, tr.22).

3.2.2.2. Đặc điểm cấu tạo

Từ láy đôi trong tập truyện ngắn *Người ở bên sông Châu* của Sương Nguyệt Minh chiếm đa số với đầy đủ các kiểu cấu tạo: láy hoàn toàn, láy bộ phận.

- *Láy hoàn toàn*: Kết quả khảo sát cho thấy có 166 lượt từ láy hoàn toàn được tác giả sử dụng, có thể chia làm hai dạng:

+ *Láy hoàn toàn điệp vần*: Có 85 từ/166 từ láy hoàn toàn (Các từ có cùng âm, vần và dấu câu) từ láy loại này xuất hiện trong tác phẩm chiếm 52%. Ví dụ: *hu hu, chốc chốc, thộp thộp, nhao nhao, khi khi, tê tê, ào ào, mờ mờ, húi húi, thạch thạch...* Ví dụ: “*Tôi thần thờ đứng trước ngõ nhà mình. Căn nhà cũ kỹ lợp rạ vẫn còn nguyên dáng hình. Tôi nghe rõ tiếng cối giã gạo nhàn nha thộp thộp*” (Sương Nguyệt Minh, 2001, tr.157). Hay như: “*Đi Mây thơm thơm cái miệng nhỏ của con bé đang chóp chép. Cô Thanh sụt sụt: Nhà em ơn chị đời đời. Đi Mây cho con bé ít tiền. Cô Thanh chối đây đây*” (Sương Nguyệt Minh, 2001, tr.19).

+ *Láy hoàn toàn đối vần*: Có 29 từ/166 từ láy loại này xuất hiện, chiếm 17,4% tổng số từ

láy xuất hiện trong tác phẩm. Ví dụ: *phồng phao, huyền hoặc, thon thót, ngân ngân,...*

- *Láy bộ phận*: Khảo sát truyện ngắn tập truyện ngắn *Người ở bên sông Châu* chúng tôi thu được 433 lần xuất hiện từ láy bộ phận xuất hiện với hai dạng là láy âm đầu và láy vần.

+ *Láy phụ âm đầu*: Trong tập truyện ngắn *Người ở bên sông Châu* chúng tôi thống kê được kết quả có 216 từ láy phụ âm đầu, loại láy này xuất hiện dày đặc trong tác phẩm. Ví dụ: *quần quần, thốn thốn, ken két, đậm đà, dư dả, véo von, tức tức, thút thút, nuốt nà, phập phồng, chỉ choé...* Ví dụ: “*Đi ném xoạch đôi nạng gỗ xuống sân, ôm mặt khóc hu hu. Đi khóc như chưa bao giờ được khóc. Bao oan khúc tức tức dồn nén chặt vỡ òa ra. Mẹ thút thút đi vào trong nhà... Lại có tiếng cọt kẹt như tiếng dất giường kêu vọng trong đêm sâu vắng*” (Sương Nguyệt Minh, 2001, tr.21). Chỉ một câu văn mà tác giả sử dụng tới 4 từ láy, trong đó có tới 3 từ láy phụ âm đầu. Sử dụng từ láy dày đặc như vậy đã lột tả được không những cái âm điệu buồn đau cô đơn của đi Mây trong đêm khuya.

+ *Láy vần*: Trong tập truyện ngắn *Người ở bên sông Châu* chúng tôi thống kê được 227 lượt dùng từ láy vần, đó là những từ như: *linh tinh lóp, lóc bóc, lồm nhồm, lòng thông, lúc nhúc, lấu tấu, lờm xờm, âm thâm, uyển chuyển, bâng khuâng...* Ví dụ: “*Thím Ba kéo đi Mây ra ngoài hiên rí tai: Đưa lên huyện không kịp mà động dao kéo vào cũng không cứu nổi. Nhà nó chồng lêu bêu chưa xin được việc*” (*Người ở bên sông Châu*, tr.18);

“*Chú San bồi rồi Thím Ba bảo: Tôi hiểu rồi để con Mây khóc. Xúm vào đưa vợ về phòng sau đẽ. Chú San lóng ngóng vịn vào xe đẩy*” (Sương Nguyệt Minh, 2001, tr.19).

3.2.2.3. Đặc điểm ngữ nghĩa

Về đặc điểm ngữ nghĩa Sương Nguyệt Minh sử dụng từ láy ở mức độ cao cả trong *ngôn ngữ đối thoại, ngôn ngữ độc thoại*, nhưng nhiều nhất vẫn là trong *ngôn ngữ trần thuật*. Có thể dễ dàng nhận thấy tác giả sử dụng từ láy trong các tác phẩm của giai đoạn đầu sáng tác, trong mảng tác phẩm viết về cuộc sống miền quê quen thuộc, về những nhân vật nữ, hay nhân vật người lính... Từ láy thể hiện chủ yếu ở ngôn ngữ trần thuật (*ngôn ngữ kể, ngôn ngữ tả, ngôn ngữ trữ tình ngoại đề*). Trong ngôn ngữ tả, những trang viết tả thiên nhiên làng quê của Sương Nguyệt Minh đã tạo nên một không gian đậm chất trữ tình trong tác phẩm. Khi tả về những hình ảnh quê hương, giọng văn của ông thường dùng nhiều từ láy để miêu tả bằng ngôn ngữ trầm lắng phù hợp với tâm trạng, cảm xúc của nhân vật, tương ứng với không gian nghệ thuật: “*Gió ở bên sông Châu thổi. Chuối sau túp lều cỏ tàu lá rung bần bật. Nước sông Châu chảy xa xa*”; “*Đất trời như giao hoà một màu bàng bạc. Muốn triệu vì sao chi chút, nhấp nháy, rắc đầy xuống bên sông. Làng quê lam lũ, mệt mỏi chìm vào giấc ngủ. Sông Châu thao thức sóng vỗ về bài ca ngàn xưa của đất trời*” (Sương Nguyệt Minh, 2001, tr.24). Như vậy, chỉ trong một đoạn văn ngắn đã có tới 10 từ láy (*quần quần, bần bật, xa xa, bàng bạc, chi chút, nhấp nháy, lam lũ, mệt mỏi, thao thức, rì rầm*) diễn tả quang cảnh không gian sông Châu, ngày đi Mây trở về. Có thể thấy, hệ thống từ láy trong tác phẩm của Sương Nguyệt Minh thường rất tự nhiên, mộc mạc và giàu tính biểu cảm. Giọng điệu trữ tình mang nhiều cung bậc khác nhau, không chỉ là giọng điệu trữ tình âm áp, đôi khi còn là giọng trầm buồn, da diết, đáng suy ngẫm: “*Tháng ba lại về. Hoa gạo nở rắc đầy lối xuống sông. Ông độ này yếu, thỉnh thoảng ho khúc khắc*”; “*Tiếng ru lúc đầu trầm lắng, nghèn nghẹn, xót xa sau êm ái, trong sáng mênh mông ngân nga sâu lắng*” (Sương Nguyệt Minh, 2001, tr.21).

Trong tập truyện *Người ở bên sông Châu*, từ láy trong những câu văn tả cảnh của Sương Nguyệt Minh thường thấm đượm một tình cảm nồng hậu với quê hương: “*Tiếng móng trâu rộn lẫn tiếng bánh xe lăn lộc cộc dưới chân... cái xe có lúc nháy chồm chồm. Con trâu thờ hồng học bọt mép nhều ra*” (Sương Nguyệt Minh, 2001, tr.227). Và để làm cảm động người đọc là đoạn văn miêu tả hình ảnh của một người mẹ hủi nhà quê trong những ngày thiếu thốn cơ cực. Từng động tác của người mẹ

được tái hiện lại như chứa đựng cả sự ngậm ngùi của đứa con: “*người đàn bà vẫn quặp hai chân vào chóp mái, rướn người chuyền đưa bé cho cha. Trong ánh đèn ló, cha thấy bàn tay người đàn bà cụt ngón chỉ còn vài đốt và đứa bé đeo vòng bạc có cái lục lạc nhỏ xíu ở cổ. Đứa bé càng ngo nguậy quẫy đạp*” (Sương Nguyệt Minh, 2001, tr.304). Những hình ảnh và câu văn với nhiều từ láy như vậy có rất nhiều trong sáng tác của Sương Nguyệt Minh, tạo thành một cái giọng nền chung trong các tác phẩm viết về đề tài nông thôn.

Hệ thống từ láy trong tác phẩm của Sương Nguyệt Minh rất tự nhiên, mộc mạc và giàu tính biểu cảm, tạo nên giọng điệu trữ tình mang nhiều cung bậc khác nhau: “*hai bàn tay cụt ngón như cái bai chèo thuyền thúng, sải bước. Người ấy bơi lập bập, mái tóc dài xoã ra lập lênh*” (Sương Nguyệt Minh, 2001, tr.294). Hoặc có khi là giọng điệu trần thuật đau đớn xót xa: “*một buổi chiều mùa thu, cha về quê. Sông Đáy chở nặng phù sa mịn mùa giông gió. Người đàn bà cụt ngón tay lại thất thểu đi trong triền đê, nón lá tả tơi*” (Sương Nguyệt Minh, 2001, tr.506). Ấn hiện đằng sau những câu chữ là một cái tôi nhà văn đầy trăn trở. Có khi nhà văn tự mình bộc lộ những suy tư trước cuộc sống, có khi mượn lời nhân vật mà bộc bạch những nghĩ suy của mình, lại có lúc lời nhà văn hòa với lời nhân vật khiến người đọc như bị cuốn theo dòng tâm trạng. Nhà văn chuyển đổi điểm nhìn trần thuật từ ngôi thứ nhất sang ngôi thứ ba, có thể dịch chuyển tự nhiên điểm nhìn của tác giả sang điểm nhìn nhân vật tạo nên một sự linh hoạt trong cách kể, thể nhưng giọng điệu thống nhất chung là giọng trữ tình.

3.2.2.4. Giá trị của từ láy đối với văn xuôi của Sương Nguyệt Minh

Nhìn từ góc độ sử dụng, từ láy có ba giá trị: *giá trị gợi tả, giá trị biểu cảm và giá trị phong cách*. *Giá trị gợi tả* làm cho người đọc, người nghe cảm thụ và hình dung được một cách cụ thể tinh tế sống động như âm thanh hình ảnh, màu sắc của sự vật mà từ đó biểu thị. Đó thường là những từ láy tượng thanh tượng hình như: *lách tách, ào ào, chót vót, lênh khênh...* *Giá trị biểu cảm* là khả năng biểu đạt thái độ đánh giá, tình cảm của người nói đối với sự vật hiện tượng. Việc sử dụng từ láy làm tính năng biểu cảm tạo ra ấn tượng về sự cảm thụ chủ quan của người nói, ví dụ như: *bâng khuâng, dào dạt, lưu luyến...* *Giá trị phong cách* là khả năng sử dụng từ láy trong nhiều phong cách khác nhau. Đối với mỗi phong cách riêng từ láy cũng thể hiện khả năng riêng của mình. Đối với phong cách nghệ thuật, từ láy được sử dụng rất phong phú và đa dạng. Mỗi từ láy như là một “nốt nhạc”. Từ láy là

những từ được cấu tạo theo phương thức lặp lại toàn bộ hay bộ phận hình thức âm tiết (với thanh điệu giữ nguyên hay biến đổi theo quy tắc biến thanh) của một hình vị hay đơn vị có nghĩa (đơn vị cơ sở).

Khảo sát từ láy trong truyện ngắn *Người ở bến sông Châu* của Suong Nguyệt Minh, chúng tôi nhận thấy tác giả đã sử dụng từ láy như một phương tiện quan trọng, có vị trí đặc biệt làm cho thế giới nhân vật di Mây trong truyện ngắn của ông thêm phong phú và sinh động: “*Khổ nhất là những đêm trời mưa người ta gọi di Mây đến khám tại nhà. Đường quê khắp khênh sóng trâu, đi bước đây bước hụt. Con đường từ bến sông đến trạm xá có vài trăm mét, đi chậm chạp bước*” (Suong Nguyệt Minh, 2001, tr.17-18). Bên cạnh đó, người đọc sẽ khó quên cảnh Mây gục xuống bàn đỡ để khóc òa lên khi cứu giúp vợ của người yêu mình trong cơn vượt cạn thiếu thán: “*Tiếng khóc của di hòa lẫn tiếng oe oe của đứa bé. Nghe xót xa, tủi hờn, xen lẫn niềm ao ước, chờ mong và vui buồn lẫn lộn*” (Suong Nguyệt Minh, 2001, tr.19). Có lẽ tiếng khóc và những giọt nước mắt đó được gạn lọc bằng chính tình yêu thương, tấm lòng nhân hậu, vị tha, bao dung độ lượng của một người con gái biết yêu và sống bằng tất cả trái tim mình. Khi Mây nhận lời nuôi đứa bé con thím Ba lúc thím trắng trời, ta không chỉ thấy hành động đó của di Mây mà còn là biểu hiện của một lòng tốt, gửi gắm ở đó bao thiết tha hi vọng, bao sự tin yêu trân quý cuộc đời mà Mây có được. Trong đêm, lời ru của Mây cất lên “*lúc đầu trầm lắng, nghèn nghẹn, xót xa, sau êm ái, trong sáng mênh mang, ngân nga sâu lắng*” (Suong Nguyệt Minh, 2001, tr.20). Tiếng ru dù buồn nhưng vẫn ẩn chứa nghị lực sống và nghị lực yêu thương, vụng vào vô tận. Miêu tả nỗi đau và những mất mát không đo đếm được cùng sự hy sinh của người phụ nữ, nhà văn đã xoáy sâu vào nội tâm nhân vật, hướng đến những nghĩ suy, trăn trở, sự giằng co, đấu tranh nội tâm diễn ra rất quyết liệt. Họ hiện lên thật đặc biệt với những góc khuất thầm kín, khát vọng bản năng và cả những vấp ngã đời thường song vẫn luôn chịu đựng, kín đáo,

ít bộc lộ ra bên ngoài. Họ vẫn toát lên phẩm chất và tính cách của người phụ nữ Việt Nam, mạnh mẽ, kiên cường.

4. KẾT LUẬN

Nhà văn Nguyễn Minh Châu từng viết: “*Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm của nó là con người. Người viết nào cũng có thể có tính xấu nhưng tôi không thể nào tưởng tượng nổi một nhà văn mà lại không mang nặng trong mình tình yêu cuộc sống và nhất là tình yêu thương con người*” (Nguyễn Văn Long, 2010, tr.266). Thế giới nhân vật trong sáng tác của Suong Nguyệt Minh phong phú, đa dạng như chính thế giới con người ngoài đời thực. Để tạo nên một thế giới nghệ thuật mang phong cách riêng của mình, Suong Nguyệt Minh đã có nhiều sáng tạo trong việc sử dụng nhiều từ láy đặc sắc. Sự linh hoạt trong ngòi bút của ông thể hiện ngay trong việc vận dụng nhiều kiểu từ láy ở các tác phẩm khác nhau. Một lần nữa có thể thấy rằng, từ láy là một yếu tố nghệ thuật có vị trí quan trọng trong tác phẩm văn học. Nó được tạo thành từ sự gắn kết hô ứng và hài hòa của nhiều thành tố nghệ thuật khác, đồng thời bản thân từ láy cũng góp phần chi phối và làm sáng rõ những yếu tố đó. Có được một từ láy mang đặc trưng riêng cho sáng tác của mình không phải là điều dễ dàng, song với tài năng và niềm đam mê văn chương của mình, Suong Nguyệt Minh đã thể hiện sự cố gắng không ngừng để tạo cho tác phẩm của mình những lớp từ láy không trộn lẫn. Và có thể khẳng định rằng ông đã gạt hái được những thành công đáng kể, khiến những trang viết của mình đọng lại trong tâm hồn bạn đọc một dư vị riêng. Qua việc tìm hiểu đặc điểm từ láy trong tập truyện *Người ở bến sông Châu* của Suong Nguyệt Minh, người viết muốn phác thảo được những nét nổi bật trong phong cách sáng tác của một cây bút hàng đầu đầu của những nhà văn quân đội thời kỳ sau đổi mới. Cũng qua việc tìm hiểu này, chúng tôi cũng hy vọng sẽ giúp người đọc có thêm hiểu biết về bước phát triển của văn học Việt Nam trước và sau 1975, mở rộng bình diện khám phá các tác phẩm truyện ngắn hiện đại.

THE CHARACTERISTICS OF REDUPLICATION IN THE COLLECTION OF SHORT STORIES “THE CHAU RIVER PIER” BY SUONG NGUYET MINH

Doan Tien Dung¹

Received Date: 23/6/2023; Revised Date: 25/8/2023; Accepted for Publication: 26/8/2023

ABSTRACT

Compound words are an important method of word formation, helping to produce a large number of words to add to the Vietnamese vocabulary. Compound words can be considered as the lexical array that most clearly shows the contribution of Vietnamese phonetic form in expressing the writer’s thoughts and feelings when using the language. The effect of the word lie is to describe and emphasize people’s emotions and moods. For objects and phenomena, words are used to express beauty, states, emotions, and changes in the movement position of things and phenomena. In this article, applying the theory of reduplication, we focus on a comprehensive and systematic study of the characteristics of reduplication in the short story “The Chau river pier” by Suong Nguyet Minh. Also, we clarify the characteristics of reduplication in his prose and the contributions of Suong Nguyet Minh’s artistic language to contemporary Vietnamese prose, thereby contributing to the improvement of the quality of teaching Literature according to the 2018 General Education Program.

Keywords: *Reduplicatives; characteristics, The Chau river pier, Suong Nguyet Minh.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Diệp Quang Ban (1996). *Ngữ pháp tiếng Việt, tập 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Đỗ Hữu Châu (1981). *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (chủ biên) (1992). *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Văn học, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Long, Nguyễn Thị Bình, Lê Thị Bắc Lý, Mai Thị Nhung, Trần Đăng Suyền (2010). *Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại, tập 2*, Nxb Đại học Sư phạm.
- Suong Nguyệt Minh (2001). *Người ở bến Sông Châu*, NXB Hội nhà văn.
- Hoàng Văn Hành (1985). *Từ láy trong tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội.
- Hoàng Văn Hành (2008). *Thành ngữ học Tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội.
- Trần Đăng Suyền (2022). *Những tượng đài và hiện tượng văn chương Việt Nam hiện đại*, NXB Đại học Sư phạm.

¹Cao Nguyen Practical High school, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Doan Tien Dung, Tel: 0979265394, Email: dtdung@ttn.edu.vn.